

GHI CHÚ NGHĨA CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Hán văn: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BÁT
KHÔNG phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_ **Năng mô bà nga phộc đế** (Quy mệnh Thế Tôn)

ॐ नमो भगवते

NAMO BHAGAVATE

_ **Đát-lạt lộ chi-dã** (3 đời, 3 cõi)

त्रिलोक्य

TRAILOKYA

_ **Bát-la để vĩ thủy sát-tra dã** (Tối thù thắng)

सर्वत्रयस्य

PRATIVISIṢṬAYA

_ **Một đà dã** (Đấng Đại Giác)

बुद्ध

BUDDHĀYA

_ **Bà nga phộc đế** (Thế Tôn)

भगवते

BHAGAVATE

_ **Đát nễ-dã tha** (Ấy là, liền nói Chú)

तद्यथा

TADYATHĀ

_ **Án** (tất cả Pháp vốn chẳng sinh, cũng nói là 3 Tạng, Như Lai Vô Kiến Đỉnh
Tướng)

ॐ

OM

_ **Vĩ thú đà dã** (Tĩnh trừ), **vĩ thú đà dã**

विशुद्धय विशुद्धय

VIŚODHAYA VIŚODHAYA

_ **Sa ma, sa ma, tam mãn đa phộc bà sa** (Chiếu diệu khắp mọi nơi)

समम समम समन्तवसु

ASAMA SAMA SAMANTA AVABHĀSA

_ **Sa-phả la noa** (dang đuổi vòng khắp)

स्फारण

SPHARANA

_ **Nghiệt để, nga ha năng** (rừng đông đúc của 6 nẻo)

गति गहान

GATI GAHĀNA

_ **Sa-phộc bà phộc, vĩ thuận đệ** (Tự Tính thanh tịnh)

स्वभाव विशुद्ध

SVABHĀVA VIŚUDDHE

_A tỳ tru giả đồ hàm (Quán Đỉnh cho tôi)

अभिमिच तमाम्

ABHIMIMCA TUMĀM

_Tổ nguyệt đa (Thiện Thệ)

सुगत

SUGATA

_Phộc la, phộc giả năng (lời dạy bảo Thù Thắng)

वर वचन

VARA VACANA

_A mật-lị đa tỳ sai kế (Cam Lộ Quán Đỉnh, cũng nói là Bất Tử Cú Quán Đỉnh.
Cam Lộ là Pháp Thân Giải Thoát)

अमृत अभिषेक

AMRTA ABHIṢEKAI

_A ha la, a ha la (Nguyện xin nhiếp thọ. Nguyện rũ lòng thương nhiếp thọ.
Cũng nói là Hoại khắp cả, thoát các khổ não)

अहार अहार

ĀHARA ĀHARA

_A dục, tán đà la ni (nhận giữ gìn Thọ mệnh)

अयुः संधारण

ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

_Thú đà dã, thú đà dã (thanh tịnh)

शुद्ध शुद्ध

ŚODHAYA ŚODHAYA

_Nga nga năng, vĩ thú đệ (như Hư Không thanh tịnh)

गगन विशुद्ध

GAGANA VIŚUDDHE

_Ô sắt-nị sa vĩ nhạ dã, vĩ thuận đệ (Phật Đỉnh Tôn Thắng thanh tịnh)

उत्थिता विजया विशुद्ध

UṢṆĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE

_Sa ha sa-la la thấp-nhĩ (1000 ánh sáng)

साहस रास्मि

SAHASRA RAŚMI

_Tán tổ nễ đế (cảnh giác)

संसृति

SAMSUDĪTI

_Tát phộc đát tha nguyệt đa, địa sắt-tra năng, địa sắt-xĩ đa (nơi gia trì Thần
Lực của tất cả Như Lai)

सर्व तथगत अधिष्ठता अधिष्ठते

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

_Ma ha mẫu nại-lị (Ấn Khế. Nếu giải rộng là Thân Ấn, Ngữ Ấn, Tâm Ấn, Kim
Cương Ấn như Lý Thú Bát Nhã có ghi)

महा मुद्रि

MAHĀ-MUDRĪ

_Phộc nhật-la ca dã, tăng ha đa năng, vĩ thuận đệ (thanh tịnh câu tủa Thân
Kim Cương)

वज्रकय संकत विशुद्ध

VAJRA-KĀYA SAṂHATANA VIŚUDDHE

Tát phộc phộc la noa, bá dā nập nghiệt đễ, bả lị vĩ thuận đệ (tất cả chương thanh tịnh. Tất cả chương là Nghiệp chương, Báo chương, Phiền Nảo chương đều thanh tịnh)

सर्ववाम्नं पय दुरगतं परिसुद्धं
SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIVISUDDHE

Bát-la đễ nể mặt đa dā, a dục thuận đệ (Thọ Mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

प्रति वर्यस्य आयुः सुद्धं
PRATINI VARTTĀYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Tam ma gia địa sắt-xỉ đễ (Thệ nguyện gia trì)

समधधिसृति
SAMAYA ADHIṢṬITE

Ma ni, ma ni, ma ha ma ni (Báu của Thế Gian , cũng nói là Pháp Bảo tức là Phước Đức Trí Tuệ)

मम मम महामम
MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI

Đát tha đa, bộ đa cú trí, bả lị thuận đệ (Chân Như Thật tế tràn đầy thanh tịnh)

तथा तु त कल परिसुद्धं
TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI PARISUDDHE

Vĩ tát-phổ tra , một địa, thuận đệ (hiển hiện Trí thanh tịnh)

विष्णुस बुद्धि सुद्धं
VISPHUṬA BUDDHI ŚUDDHE

Nhạ dā, nhạ dā (Tối thắng, tối thắng là 2 Đé **Chân Tục**)

जय जय
JAYA JAYA

Vĩ nhạ dā, vĩ nhạ dā (Thù thắng, thù thắng là 2 Môn **Bi Trí**)

विजय विजय
VIJAYA VIJAYA

Sa-ma la, sa-ma la (niệm trì **Định Tuệ** tương ứng)

स्मर स्मर
SMARA SMARA

Tát phộc một đà địa sắt-xỉ đa, thuận đệ (tất cả Phật gia trì thanh tịnh)

सर्व बुद्धधिसृति सुद्धं
SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE

Phộc nhật-lệ (Tâm Bồ Đề kiên cố như Kim Cương)

वज्र
VAJRĪ

Phộc nhật-la nghiệt bệ (chứng Kim Cương Tạng)

वज्रगर्भ
VAJRA-GARBHE

Phộc nhật-lam bà phộc đồ (Nguyện thành Kim Cương)

वज्र भवतु
VAJRĀM BHAVATU

Ma ma (Tôi, họ tên... Nếu vì người khác niệm tụng thì xưng tên của người đó)

मम

